**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN VẬT LÍ**

Học kì II, năm học 2019 – 2020

*(Điều chỉnh theo công văn số 111/BGDĐT-GDTrH ngày 30/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo)*

**VẬT LÍ 6**

**Học kì II: 10 tuần = 10 tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Tên bài** | **Phần giảm tải** | **Phần tích hợp** | **Đồ dùng dạy học** | **Ghi chú** |
| 19 | Ròng rọc |  | TK NL  | 1 khối trụ kim loại có móc treo nặng 2N, 1 lực kế có GHĐ là 2N, 1 rong rọc cố định, 1 ròng rọc động, dây vắt qua rong rọc. Giá treo |  |
| **Chương II: Nhiệt học** |
| 20 |  Bài 18 .Sự nở vì nhiệt của chất rắn | TN ở cả 3 bài ko làmMục “ vận dụng ” ở cả 3 bài HS tự làm.(Câu hỏi C8 (tr.63), C9 (tr.64): Không yêu cầu học sinh trả lời) |  |  |  |
|  Bài 19. Sự nở vì nhiệt của chất lỏng |
| Bài 20. Sự nở vì nhiệt của chất khí |
| 21 | Bài 21. Một số ứng dụng của sự nở vì nhiệt | Thí nghiệm hình 21.1: Chuyển thành thí nghiệm biểu diễn | BVMTNL TK | Máy chiếu, Hình 21.2, 21.3, 21.5;  |  |
| 22 | Bài 22. Nhiệt kế. Nhiệt giai | (Mục 2b, mục 3 (tr.70): Đọc thêmLưu ý: Nhiệt độ trong nhiệt giai ken vin gọi là ken vin, kí hiệu là K) | BVMT | 3 chậu thủy tinh, mỗi chậu đựng 1 ít nước, 1 ít nước đá, 1 phích nước nóng, 1 nhiệt kế rượu, 1 nhiệt kế thủ ngân, 1 nhiệt kế y tế. | Kiểm tra 15 phút |
| 23 | Kiểm tra 1 tiết |  |  |  |  |
| 24 | Bài 24+ Bài 25Sự nóng chảy và sự đông đặc | Vẽ đường biểu diễn học sinh tự làmThí nghiệm hình 24.1: Không bắt buộc làm thí nghiệm, chỉ mô tả thí nghiệm và đưa ra kết quả bảng 24.1 |  | thướ |  |
| 25 | Bài 26+ Bài 27Sự bay hơi và sự ngưng tụ | TN kiểm tra HD học sinh tự đọc |  |  |  |
| 26 | Ôn tập học kì II |  |  |  |  |
| 27 | Kiểm tra học kì II |  | Đề |  |  |
| 28 | Bài 28. Sự sôi | Thí nghiệm hình không làmVẽ đường biểu diễn học sinh tự làm |  | Thước; Máy chiếu để mô tả thí nghiệm H28.1 |  |

**VẬT LÍ 7**

**Học kì II: 10 tuần = 10 tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Tên bài** | **Phần giảm tải** | **Phần tích hợp** | **Đồ dùng dạy học** | **Ghi chú** |
|  | **Chương III. Điện học** |  |  |  |
| 19; 20 | Bài 17. Sự nhiễm điện do cọ xát Bài 18. Hai loại điện tích  | Thí nghiệm không làmMục II. Sơ lược về cấu tạo nguyên tử (bài 18) hs tự học |  |  |  |
| 21 | Bài 19. Dòng điện - Nguồn điện |  Mục III. Vận dụng ( bài 21). Học sinh tự làm |  | Thước |  |
| Bài 20. Chất dẫn điện - chất cách điện.Dòng điện trong kim loại |
| Bài 21. Sơ đồ mạch điện. Chiều dòng điện |
| 22 | Bài 22. Tác dụng nhiệt và tác dụng phát sang của dòng điện | Mục II. Tác dụng phát sáng ( bài 22). Khuyến khích Học sinh tự đọc*(Mục tìm hiểu chuông điện: Đọc thêm)* |  |  |  |
| Bài 23. Tác dụng từ, tác dụng hóa học, tác dụng sinh lí của dòng điện |
| 23 | Ôn tập |  |  | Máy chiếu |  |
| 24 | **Kiểm tra 1 tiết** |  |  | Đề |  |
| 25 | Bài 24. Cường độ dòng điện |  | THGDĐĐ | Bảng điện, đèn 3V 5 dây nối,bộ pin, công tắc,biến trở, Ampe kế chứng minh, 1ampe kế và 1 vôn kế hình dạng giống nhau |  |
| 26 | Bài 25. Hiệu điện thế | Mục III.Đo HĐT giơax hai cực của nguồn điện khi mạch hở (bài 25) tích hợp với bài 26. |  | Bảng điện, 5 dây nối, bộ pin, công tắc, vôn kế ,đèn 3V, đồng hồ đo điện đa năng. |  |
| Bài 26. Hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ dùng điện | Mục I .Hiệu điện thế giữa hai đầu bóng đèn Tích hợp với bài 25Mục II- Sự tương tự giữa hiệu điện thế và sự chênh lệch mực nước: ko dạy |  | Bảng điện, 5 dây nối, bộ pin, công tắc, vôn kế, đèn 3V, ampe kế. |  |
| 27 | Bài 27. Thực hành. Đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế đối với đoạn mạch mắc nối tiếp |  |  | Bảng điện, 7 dây nối, bộ pin, công tắc, vôn kế, ampe kế , 2đèn 3V | *Kiểm tra 15 phút* |
| Bài 28.Thực hành: Đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế đối với đoạn mạch mắc song song | Thí nghiệm. (*không làm)* | không làm |
| 28 | Ôn tập học kì II |  |  | Máy chiếu |  |
| **29** | **Kiểm tra học kì II** |  |  | Đề |  |

**VẬT LÍ 8**

**Học kì II: 10 tuần = 10 tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Tên bài** | **Phần giảm tải** | **Phần tích hợp** | **Đồ dùng dạy học** | **Ghi chú** |
| 19 | Bài 14. Định luật về công |  |  | - Giá đỡ, thước đo-Quả nặng- Lực kế 5N-Dây kéo-Bảng 14.1 |  |
| 20 | Bài 15 Công suất  |  |  | Thước |  |
| 21 | Bài 16. **Cơ năng** | Thế năng hấp dẫn : Sử dụng thuật ngữ “thế năng hấp dẫn” thay cho thuật ngữ “thế năng trọng trường”C4: không yêu cầu học sinh trả lời. | ƯPBĐKH BVMTTHGDĐĐHS tự học có HD | - Lò xo lá tròn- Khối gỗ- Quả cầu- Máng nghiêngThước |  |
| **Chương II. Nhiệt học** |
| 22 | Bài 19 . Các chất được cấu tạo như thế nào? | Không làm TN |  | - Ống 100ml- 50 ml rượu- 50 ml nước- 50 cm3 sỏi- 50 cm3 cát khô |  |
| Bài 20.Nguyên tử, phân tử chuyển động hay đứng yên | Mục IV. Vận dụng(bài 20) Không dạy |  | Thước |  |
| 23 | Bài 21. Nhiệt năngBài 22. Dẫn nhiệtBài 23. Đối lưu- Bức xạ nhiệt |  TN không làm |  |  |  |
| 24 | Ôn tập |  |  | Thước |  |
| 25 | **Kiểm tra 1 tiết** |  |  | Đề kiểm tra |  |
| 26 | Bài 24. Công thức tính nhiệt lượng nhiệt | Mục I.Nhiệt lượng một vật thu vào để nóng lên phụ thuộc những yếu tố nào (bài 24) không dạy | *không dạy* |  |  |
| Bài 25. Phương trình cân bằng nhiệt | Mục III. VD về dung phương trình cân bằng nhiệt và mục IV .Vận dụng(bài 25). *Học sinh tự làm* |  *Học sinh tự làm* |
| 27 | Ôn tập kiểm tra học kì |  |  | Thước |  |
| 28 | **Kiểm tra học kì II** |  |  | Đề kiểm tra |  |

**VẬT LÍ 9**

 **Học kì 2 (20 tiết)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Bài** | **Tên bài** | **Phần giảm tải** | **Phần tích hợp** | **Đồ dùng dạy học** | **Kiểm tra 15 phút** | **Ghi chú** |
| 37 | Bài 34 | Máy phát điện xoay chiều |  | ***Tích hợp GDĐĐ*:** Giúp HS thấy ưu điểm của dòng điện xoay chiều so với dòng điện một chiều. Qua đó giáo dục học sinh có ý thức, trách nhiệm nữa trong việc thiết kế, chế tạo, ứng dụng, sử dụng điện năng một cách hợp lí góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.***Tích hợp BVMT:*** Việc sử dụng dòng điện xoay chiều được phát ra từ máy phát điện xoay chiều (có nam châm là rô to) phục vụ con người nó có ưu điểm là không tạo ra những chất khí gây hiệu ứng nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường.  | Mô hình máy phát điện xoay chiều |  |  |
| 38 | Bài 35 | Các tác dụng của dòng điện xoay chiều. Đo cường độ và hiệu điện thế xoay chiều |  | ***Tích hợp BVMT:*** Việc sử dụng dòng điện xoay chiều phục vụ con người nó có ưu điểm là không tạo ra những chất khí gây hiệu ứng nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường.– So với các động cơ điện một chiều, động cơ điện xoay chiều có ưu điểm không có bộ góp điện, nên không xuất hiện các tia lửa điện tạo ra các chất khí gây hại cho môi trường. | Một Ampekế, Vônkế xoay chiều. Một Ampekế, Vônkế một chiều. Một bóng đèn 3V có đui, 1 khoá K, dây nối (10 sợi). Một biến thế nguồn, 1 bút thử điện, một bóng đèn có phích cắm. |  |  |
| 39 | Bài 36 | Truyền tải điện năng đi xa |  | ***Tích hợp GDĐĐ*:** Đường dây cao áp cũng làm phá vỡ cảnh quan môi trường, cản trở giao thông và gây nguy hiểm cho con người vì vậy, ta có thể khắc phục bằng cách đưa đường dây cao áp xuống lòng đất hoặc đáy biển. Từ đó góp phần giáo dục học sinh ý thức ***trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết*** để xây dựng cuộc sống ngày càng văn minh tốt đẹp hơn. ***Tích hợp Biến đổi khí hậu:*** Việc truyền tải điện năng đi xa bằng hệ thống các đường dây cao áp là một giải pháp tối ưu để giảm hao phí điện năng và đáp ứng yêu cầu truyền đi một lượng điện năng lớn.Tuy nhiên, các đường dây cao áp cũng làm phá vỡ cảnh quan môi trường, cản trở giao thông và gây nguy hiểm cho con người. Vì vậy, ta có thể khắc phục bằng cách đưa đường dây cao áp xuống lòng đất hoặc đáy biển. | Thước |  |  |
| 40 | Bài 37 | Máy biến thế |  | ***Tích hợp Biến đổi khí hậu:*** Khi máy biến thế hoạt động, trong lõi thép luôn xuất hiện dòng điện Fuco. Dòng điện Fuco có hại vì làm nóng máy biến thế, giảm hiệu suất của máy.Để làm mát máy biến thế, người ta nhúng toàn bộ lõi thép của máy trong một chất làm mát đó là dầu của máy biến thế. Nếu dầu máy biến thế bị cháy có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, các trạm biến thế lớn luôn có các thiết bị tự động để phát hiện và khắc phục sự cố. | máy biến thế nhỏ, cuộn sơ cấp có 750 vòng và cuộn thứ cấp 1500. 1 nguồn điện xoay chiều 0V - 12V. 1 vôn kế xoay chiều 0V- 15V |  |  |
| **Chương III. Quang học** |
| 41 | Bài 40 | Hiện tượng khúc xạ ánh sáng | Mục II. Sự khúc xạ của tia sáng khi truyền từ nước sang không khí: Không nhất thiết phải tiến hành dạy theo phương án mà sách giáo khoa đã trình bày, có thể thay thế phương án thí nghiệm khác, ví dụ : đặt một gương phẳng ở đáy bình nước để quan sát hiện tượng khúc xạ khi tia sáng truyền từ nước sang không khí | ***Tích hợp BVMT:*** Các chất khí NO, NO2, CO, CO2, CFC, … khi được tạo ra sẽ bao bọc Trái Đất. Các khí này ngăn cản sự khúc xạ của ánh sáng và phản xạ phần lớn các tia nhiệt trở lại mặt đất. Do vậy, chúng là những tác nhân làm cho Trái Đất nóng lên.– Tại các đô thị lớn, việc sử dụng kính xây dựng đã trở thành phổ biến. Kính xây dựng ảnh hưởng tới sức khoẻ con người qua các khía cạnh+ Bức xạ Mặt Trời qua kính : Bên cạnh hiệu ứng nhà kính, bức xạ Mặt Trời còn nung nóng bề mặt các thiết bị nội thất. Trong khi đó, bề mặt các thiết bị nội thất luôn trao đổi nhiệt bằng bức xạ với con người.+ Ánh sáng qua kính : Kính có ưu điểm hơn hẳn các vật liệu khác là lấy được ánh sáng tự nhiên trực tiếp. Đây là nguồn ánh sáng phù hợp với thị giác của con người. Chất lượng của ánh sáng trong nhà được đánh giá qua độ rọi trên mặt phẳng làm việc, để có thể nhìn rõ được chi tiết vật làm việc. Độ rọi không phải là càng nhiều càng tốt. Ánh sáng dư thừa sẽ gây ra chói, dẫn đến sự căng thẳng, mệt mỏi cho con người khi làm việc. Đây là ô nhiễm thừa ánh sáng.– Các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của kính xây dựng :+ Mở cửa thông thoáng để tạo ra vận tốc gió trên mặt kết cấu, làm cho nhiệt độ bề mặt kết cấu sẽ giảm dần đến nhiệt độ không khí.+ Có biện pháp che chắn nắng hiệu quả khi trời nắng gắt. | Máy chiếu |  |  |
| 42 | Bài 42 | Thấu kính hội tụ | Câu hỏi C4 (tr.114): Bỏ ý “Tìm cách kiểm tra điều này” |  | Thấu kính hội tụ,  |  |  |
| 43 | Bài 43  | Ảnh của 1 vật tạo bởi thấu kính hội tụ. Luyện tập  |  |  | Một thấu kính hội tụ có tiêu cự khoảng 12cm, 1 thấu kình phân kì Một giá quang học, một cây nến, một màn để hứng ảnh, một bao diêm hoặc bật lửa. |  |  |
| 44 | Bài 44;  | Thấu kính phân kỳ.  | Bài 44. Mục I. Đặc điểm của thấu kính phân kỳ không làm thí nghiệm. Mục III. Vận dụng học sinh tự làm.  |  | Một thấu phân kì  |  |  |
| 45 | Bài 45 | Thấu kính phân kỳ. Ảnh của một vật tạo bởi thấu kính phân kỳ.  |  |  | Một thấu phân kì Một giá quang học, một cây nến, một màn để hứng ảnh, một bao diêm hoặc bật lửa.Thước |  |  |
| 46 | Ôn tập |  |  | Thước | Kiểm tra 15 phút |  |
| 47 | **Kiểm tra 1 tiết** |  |  |  |  |  |
| 48 | Bài 48 | Mắt |  |  | Tranh, thước |  |  |
| 49 | Bài 49; 50 | Mắt cận và mắt lão. Kính lúp. | Mục III. Vận dụng (bài 49) học sinh tự làm. Mục II. Cách quan sát một vật nhỏ qua kính lúp (bài 50) học sinh tự đọc Mục III. Vận dụng (bài 50) học sinh tự làm   | ***Tích hợp BVMT:*** - Nguyên nhân gây cận thị là do sử dụng ánh sáng không hợp lí, thói quen làm việc không khoa học.– Người bị cận thị, do mắt liên tục phải điều tiết nên thường bị tăng nhãn áp, chóng mặt, đau đầu, ảnh hưởng đến lao động.– Biện pháp bảo vệ mắt + Để giảm nguy cơ mắc các tật của mắt, mọi người hãy cùng nhau giữ gìn môi trường trong lành, không có ô nhiễm và có thói quen làm việc khoa học.+ Người bị cận thị không nên điều khiển các phương tiện giao thông vào buổi tối, khi trời mưa và với tốc độ cao. + Cần có các biện pháp bảo vệ và luyện tập cho mắt, tránh nguy cơ tật nặng hơn. Thông thường, người bị cận thị khi 25 tuổi thì thủy tinh thể ổn định (tật không nặng thêm).***Tích hợp GDĐĐ:***Thông qua việc tổ chức nghiên cứu các kiến thức của bài học giúp HS biết ứng dụng của của TK để tạo ra các dụng cụ quang học (kính cận, kính lão) dùng cho người mắt cận, mắt lão. Từ đó góp phần giáo dục học sinh có ý thức ***trách nhiệm*** với việc gìn giữ sức khỏe của bản thân, gìn giữ môi trường sống, bảo vệ mắt, vệ sinh mắt.  | Tranh, thước , kính cận, kính lão.3 chiếc kính lúp có độ bội giác đã biết. Mốt số vật nhỏ như sợi tóc, con kiến |  |  |
| 50 | Bài 53 | Sự phân tích ánh sáng trắng |  | ***Tích hợp BVMT:*** Nếu sống lâu trong môi trường ánh sáng nhân tạo (ánh sáng màu) sẽ khiến thị lực bị suy giảm, sức đề kháng của cơ thể bị giảm sút.Tại các thành phố lớn, việc sử dụng quá nhiều đèn màu trang trí đã khiến cho môi trường bị ô nhiễm ánh sáng. Sự ô nhiễm này dẫn đến giảm tầm nhìn, ảnh hưởng đến khả năng quan sát thiên văn. Ngoài ra, chúng còn làm lãng phí điện năng.– Biện pháp :+ Cần quy định tiêu chuẩn về sử dụng đèn màu trang trí, đèn quảng cáo.+ Nghiêm cấm việc sử dụng đèn pha ô tô, xe máy là đèn phát ra ánh sáng màu.+ Hạn chế việc sử dụng điện để thắp sáng đèn quảng cáo nhằm tiết kiệm điện. | 1 lăng kính tam giác đều; 1 màn chắn trên có khoét 1 khe hẹp; 1 bộ lọc màu đỏ màu xanh ,nửa đỏ , nửa xanh; 1đĩa Cd; 1đèn ống |  |  |
| **Chương IV. Sự bảo toàn và chuyển hoá năng lượng** |  |  |  |  |  | **Chương IV. Sự bảo toàn và chuyển hoá năng lượng** |
| 51 | Bài 59 | Năng lượng và sự chuyển hóa năng lượng. |  | ***Tích hợp GDĐĐ:*** Thông qua việc tổ chức nghiên cứu các kiến thức của bài học theo hình thức trạm giúp học sinh rèn luyện các giá trị sống hòa bình, tôn trọng, hợp tác, trách nhiệm, trung thực, khiêm tốn, khoan dung, đoàn kết, yêu thương, tự do, hạnh phúc. - Giáo dục ý thức sử dụng nguồn năng lượng cho hợp lí: Tăng cường khai thác và dụng năng lượng Mặt Trời một cách mạnh mẽ hơn, để dành các nguồn năng lượng hóa thạch góp phần bảo vệ môi trường sống. | Thước |  |  |
| 52 | Bài 60 | Định luật bảo toàn năng lượng | Thí nghiệm hình 60.2: Không bắt buộc làm thí nghiệm | ***Tích hợp BVMT:***  Thực vật sử dụng ánh sáng Mặt Trời để quang hợp tạo ra glucoza và các chất hữu cơ khác. Động vật ăn thực vật. Đến lượt mình, con người lại sử dụng thực vật và động vật làm nguồn thức ăn. Như vậy, con người cũng gián tiếp sử dụng năng lượng Mặt Trời để sống và làm việc. Khi ánh sáng quá gay gắt có thể làm cây cối chết hoặc ánh sáng quá yếu khả năng quang hợp của chúng kém, nên không sinh sôi phát triển. Do sự nóng lên của khí hậu, năng suất của cây trồng giảm, và do đó, sản lượng lương thực sẽ suy giảm. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự sống trên hành tinh.– Khi thực vật và động vật chết đi, xác của chúng bị vùi lấp trong các lớp đất, đá và bị phân huỷ dần dần. Qua hàng triệu năm, chúng tạo ra các nguồn năng lượng cơ bản (than đá, dầu mỏ, khí đốt) cho con người sử dụng ngày nay. Như vậy, các nguồn năng lượng cũng chính là kết tinh của năng lượng Mặt Trời và khi sử con người dụng chúng, tức là đã giải phóng năng lượng Mặt Trời. Các nguồn năng lượng hóa thạch không vô tận mà ngày càng cạn kiệt (than đá chỉ sử dụng được trong 200 năm, dầu lửa sử dụng trong 60 năm nữa). Nếu không có biện pháp sử dụng hợp lí, sẽ đến lúc hành tinh của chúng ta không còn năng lượng hóa thạch.– Xét theo quan điểm năng lượng, con người cũng là một mắt xích trong chuỗi năng lượng mà năng lượng Mặt Trời là trung tâm. Trong sự tồn tại của tự nhiên, con người cần tuân theo các quy luật khách quan của chuỗi năng lượng đó.– Xét về nguồn gốc, tất cả các dạng năng lượng đang được con người sử dụng đều có nguồn gốc từ Mặt Trời (gồm than đá, dầu mỏ, khí đốt, gió, nước). Năng lượng Mặt Trời có thể được sử dụng trong khoảng 6 tỉ năm nữa, nên có thể coi là vô tận. Do đó, cần tăng cường khai thác và sử dụng năng lượng Mặt Trời một cách mạnh mẽ hơn. |  | Kiểm tra 15 phút |  |
| 53; 54;  | Ôn tập kiểm tra học kì |  |  | Thước |  |  |
| 55 | **Kiểm tra học kì II**  |  |  |  |  |  |
| 56 | Ôn tập cuối năm |  |  | Thước |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **DUYỆT CỦA BGH****Hiệu trưởng****Hoàng Đình Thỏa** | **DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN****Tổ trưởng****Hoàng Thị Bích Liên** | **NGƯỜI THỰC HIỆN****Phạm Thị Điền Hoàng Thị Bích Liên** |